

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C1 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122014200301 - Thu l c - Thu v ấ H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
1	3641010481	36C1	ấ Th ấ h An	27/02/1994	5.0	5.0									5.0	2.5	3.0	1.5	4.0	
2	3641012025	36C1	Nguy n B ấ h An	06/01/1994											0.0	0.0	0	0.0		
3	3641010098	36C1	Nguy n Ho ấ g n	21/09/1993	5.0	5.0									5.0	2.5	5.0	2.5	5.0	
4	3641010072	36C1	H ấ V ấ B o	02/03/1993	4.0	6.0									5.0	2.5	3.0	1.5	4.0	
5	3641010116	36C1	Nguy n Hu ấ h Th ấ i B o	18/11/1993											0.0	0.0	0	0.0		
6	3641010482	36C1	Vô Xuân Biên	02/02/1994	5.0	6.0									5.5	2.8	7.0	3.5	6.3	
7	3641010023	36C1	Tr n Nh Bình	07/03/1990	6.0	6.0									6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
8	3641010121	36C1	ấ ấ Công	28/03/1994	6.0	7.0									6.5	3.3	6.0	3.0	6.3	
9	3641010026	36C1	Tr n Minh D ấ g	27/08/1993	5.0	7.0									6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	
10	3641010141	36C1	H S ấ ang	09/09/1994	4.0	5.0									4.5	2.3	7.0	3.5	5.8	
11	3641010135	36C1	Nguy n Th ấ h ấ t	20/07/1994	5.0	5.0									5.0	2.5	5.0	2.5	5.0	
12	3641010128	36C1	Ph m Tì n ấ t	30/07/1994	6.0	6.0									6.0	3.0	5.0	2.5	5.5	
13	3641010049	36C1	Lê Hoàng ấ i p	21/07/1993	5.0	5.0									5.0	2.5	3.0	1.5	4.0	
14	3641010148	36C1	B ấ i V ấ ấ o ấ	12/01/1993	5.0	5.0									5.0	2.5	6.0	3.0	5.5	
15	3641010021	36C1	H ấ Tr ấ g Hào	15/05/1994											0.0	0.0	0	0.0		
16	3641010101	36C1	Vô Phúc H u	18/06/1994	4.0	5.0									4.5	2.3	5.0	2.5	4.8	
17	3641010081	36C1	T C ấ g Kha	21/02/1993	4.0	5.0									4.5	2.3	6.0	3.0	5.3	
18	3641010070	36C1	Nguy n Duy Khang	08/09/1994	5.0	6.0									5.5	2.8	5.0	2.5	5.3	
19	3641010032	36C1	Mai Tùng Lâm	11/05/1994	4.0	5.0									4.5	2.3	0	0.0		
20	3641010113	36C1	L ² D ấ g Linh	16/11/1993	7.0	7.0									7.0	3.5	5.0	2.5	6.0	

B NG ã I M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C1 N h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ã T : H c ph n : 122014200301 - Thu l c - Thu v ã H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñ I M THÌ NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ñ I M THI	QUY TS 50%	ñ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
21	3641010123	36C1	Nguy n V ã M nh	23/05/1994	4.0	5.0									4.5	2.3	3.0	1.5	3.8	
22	3641010146	36C1	Qu ã ch H u Nam	23/08/1993	6.0	7.0									6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
23	3641010109	36C1	ñ M nh Nguyên	03/10/1993	6.0	6.0									6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	
24	3641010097	36C1	Nguy n Quang Phúc	10/11/1992	5.0	5.0									5.0	2.5	7.0	3.5	6.0	
25	3641010082	36C1	H Ng c Quý	15/01/1994	5.0	5.0									5.0	2.5	7.0	3.5	6.0	
26	3641010057	36C1	Phan Thanh S n	01/03/1994	6.0	6.0									6.0	3.0	6.0	3.0	6.0	
27	3641010053	36C1	Nguy n Nh t Tân	23/12/1993	4.0	6.0									5.0	2.5	3.0	1.5	4.0	
28	3641010105	36C1	V ¹ / ₂ T n Tây	17/05/1994	6.0	7.0									6.5	3.3	5.0	2.5	5.8	
29	3641010046	36C1	Nguy n Th ã Ti n	10/12/1994	6.0	7.0									6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
30	3641010354	36C1	Tr n V ã Tỉnh	05/02/1992	6.0	6.0									6.0	3.0	4.0	2.0	5.0	
31	3641010095	36C1	ñ ã Trung Tích	06/02/1994	5.0	5.0									5.0	2.5	4.0	2.0	4.5	
32	3641010016	36C1	Nguy n V ã T nh	18/05/1994											0.0	0.0	0	0.0		
33	3641010092	36C1	H H u Toàn	20/04/1994	5.0	5.0									5.0	2.5	6.0	3.0	5.5	
34	3641010090	36C1	L ² Ng c Toàn	13/02/1994	5.0	5.0									5.0	2.5	4.0	2.0	4.5	
35	3641010124	36C1	Tr n Anh To i	28/04/1991	5.0	6.0									5.5	2.8	6.0	3.0	5.8	
36	3641010132	36C1	L ² Nguy n Ho ã Tu n	05/09/1994											0.0	0.0	0	0.0		
37	3641010040	36C1	Phan Thanh Tu n	19/02/1993	6.0	7.0									6.5	3.3	4.0	2.0	5.3	
38	3641010011	36C1	Võ Duy Tu n	16/03/1994	4.0	5.0									4.5	2.3	4.0	2.0	4.3	
39	3641010083	36C1	Tr ng V ã Tuyên	30/07/1994	5.0	5.0									5.0	2.5	1.0	0.5	3.0	
40	3641010115	36C1	Nguy n Thanh Tùng	11/03/1994											0.0	0.0	0	0.0		

B NG ấ I M H C PH N - MĐN THì NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 36C1 N h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122014200301 - Thu l c - Thu v ấ H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ấ I M THì NH PH N										TBC TP	QUY TS 50%	ấ I M THI	QUY TS 50%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6	L7	L8	L9	L10						
41	3641010074	36C1	Tr n V ấ Tú	21/06/1994	4.0	6.0									5.0	2.5	4.0	2.0	4.5	
42	3641010025	36C1	L ² T n Th	24/05/1990	5.0	5.0									5.0	2.5	7.0	3.5	6.0	
43	3642010143	36C1	Nguy n V ấ Th ch	00/00/1991	7.0	8.0									7.5	3.8	6.0	3.0	6.8	
44	3641010093	36C1	H Mai Thân	20/10/1992											0.0	0.0	0	0.0		
45	3641010030	36C1	Phan ấ c Thi	26/06/1993	6.0	5.0									5.5	2.8	3.0	1.5	4.3	
46	3641010042	36C1	Nguy n Qu c Th nh	20/08/1994	4.0	6.0									5.0	2.5	3.0	1.5	4.0	
47	3641010058	36C1	Lê Quang Th ng	21/08/1993	4.0	5.0									4.5	2.3	0	0.0		
48	3641010111	36C1	L ² Qu c Tr n	29/01/1994	5.0	6.0									5.5	2.8	0	0.0		
49	3641010136	36C1	Tr n Minh Trí	11/12/1993	5.0	5.0									5.0	2.5	4.0	2.0	4.5	
50	3601010016	36C1	Hồ ấ c Tr n	21/01/1994	7.0	7.0									7.0	3.5	5.0	2.5	6.0	
51	3641010108	36C1	L ² Qu c V ấ	00/00/1985	5.0	6.0									5.5	2.8	6.0	3.0	5.8	
52	3641010112	36C1	Nguy n Ch' Viên	27/11/1994	5.0	5.0									5.0	2.5	6.0	3.0	5.5	

T ng s : 52 h c sinh sinh vi² n Tp.HCM, ngày / /
Tr ng Khoa Gi" o Vi² n B M»n Gi" o V Khoa